

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD
HD CAPITAL JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No: 45/2026/CV-HDCAP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026
Ho Chi Minh City, March 31th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi/Send signal: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
State Securities Commission

Tên Công ty/Company:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HD

HD Capital JSC

Tên giao dịch/Trading Name

HDCapital

GP TL&HD số:

44/UBCK-GP do UBCKNBN cấp lần đầu ngày 24/11/2008, hay
đổi tùy từng thời điểm

Establishment and Operation License No:

License 44/UBCK-GP was first issued by the State Securities
Commission on November 24, 2008, and has been amended
from time to time.

Địa chỉ trụ sở chính/ Head Office:

Lầu 7, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, TP.HCM.
7th Floor, No. 58 Nguyen Dinh Chieu Street, Tan Dinh Ward,
Ho Chi Minh City

Điện thoại/Tel:

(84 28) 99986818

Người thực hiện CBTT:

Nguyễn Thành Long

Persons in charge of information disclosure

Nguyen Thanh Long

Chức danh/Title:

Tổng Giám đốc/General Director

Loại thông tin công bố:

định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Types of disclosures

Periodic Extraordinary 24h Request

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần quản lý quỹ HD công bố:

Contents of disclosure:

HD Capital JSC hereby announces:

- i. HDBOND-Báo cáo thường tài chính năm 2025 đã kiểm toán
HDBOND - Audited Annual Financial Report for 2025
- ii. HDBOND-Báo cáo tài chính năm 2025 chưa kiểm toán
HDBOND - Unaudited Financial Report for 2025
- iii. GDEGF-Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán
GDEGF - Audited Financial Report for 2025
- iv. GDEGF-Báo cáo tài chính năm 2025 chưa kiểm toán
GDEGF - Audited Financial Report for 2025



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2026 tại đường dẫn: <https://hdcap.vn/danh-muc-quan-he/quy-dau-tu/>

This information was published on the company's website on March 31th 2026 as in the link <https://hdcap.vn/danh-muc-quan-he/quy-dau-tu/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/ *Attachments:*

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố

Documents related to the published information

NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CBTT

PERSON RESPONSIBLE FOR INFORMATION DISCLOSURE

TỔNG GIÁM ĐỐC

General Director



Nguyễn Thành Long

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2025



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2025



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 7
Báo cáo thu nhập	8
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	9
Báo cáo danh mục đầu tư	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 44
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	45 - 54
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	55 - 56



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 137/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 259/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 7 năm 2025. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.045.730 chứng chỉ quỹ ("CCQ") với tổng giá trị là 50.457.300.000 VND, chiếm 100,91% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 50.632.407.700 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Lầu 7, Số 58, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ("Ngân hàng BIDV") được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Chi nhánh Ngân hàng BIDV được thành lập theo Giấy phép số 84/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23 tháng 4 năm 2012 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003. Chi nhánh Ngân hàng BIDV được chấp thuận bổ sung nội dung "Hoạt động ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán" vào Giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định số 466/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV"):

- Kỳ định giá hàng ngày: NAV được định giá hàng ngày vào các ngày làm việc. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá sẽ được dời đến ngày định giá (là ngày làm việc) kế tiếp.
- Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Mục tiêu của Quỹ là gia tăng giá trị tài sản ròng dài hạn và tối ưu hóa lợi nhuận cho các nhà đầu tư dựa trên cơ sở phân tích chuyên sâu, lựa chọn kỹ lưỡng các tài sản có chất lượng tốt cùng với phân bổ danh mục hợp lý cũng như đánh giá thị trường nhằm giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư. Quỹ ưu tiên đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Mục tiêu đầu tư có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình thị trường và theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định của pháp luật.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 44/UBCK-GP ngày 24 tháng 11 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC-UBCK ngày 27/2/2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306274696 ngày 24 tháng 11 năm 2008, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 11 tháng 12 năm 2025.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Trương Thành Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2025
Ông Bùi Trọng Nghĩa	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2025
Ông Vũ Trần Vĩnh Thụy	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2025 (theo nghị quyết)
Bà Đặng Thị Hương Giang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2025
Ông Trương Hữu Ngữ	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 7 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Quang Trung – Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Thành Long – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD ("Công ty Quản lý Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD ("Tổng Giám đốc") chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.


Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.



Ông Nguyễn Thành Long
Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ 

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 2036-2023-004-1

Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
100	A. TÀI SẢN		
110	I. Tiền và tương đương tiền	5	8.639.538.843
111	1. Tiền gửi ngân hàng		8.639.538.843
120	II. Các khoản đầu tư thuần	6	37.635.662.500
121	1. Các khoản đầu tư		37.635.662.500
130	III. Các khoản phải thu	7	36.000.000
136	1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		36.000.000
100	TỔNG TÀI SẢN		46.311.201.343
300	B. NỢ PHẢI TRẢ		
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty Quản lý Quỹ		10.708
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		892
316	3. Chi phí phải trả	8	120.000.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		20.000.000
319	5. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	9	97.177.326
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		237.188.926
400	C. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỜ (C=A-B)		46.074.012.417
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		50.632.407.700
412	1.1 Vốn góp phát hành	10	50.683.058.100
413	1.2 Vốn góp mua lại	10	(50.650.400)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	10	(15.243.328)
420	3. Lỗ lũy kế	11	(4.543.151.955)
430	D. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỒNG QUỸ MỜ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		9.099,71



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	16	5.063.240,77

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD



Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Trưởng phòng Vận hành quỹ
phụ trách kế toán quỹ

Ông Nguyễn Thành Long
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

BÁO CÁO THU NHẬP

B01-QM

cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
01	I. Thu nhập hoạt động đầu tư		(3.747.843.711)
02	1. Cổ tức được chia	12	257.400.000
03	2. Tiền lãi được nhận	12	23.308.789
04	3. Lỗ bán các khoản đầu tư	13	(435.871.257)
05	4. Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	(3.592.681.243)
10	II. Chi phí hoạt động đầu tư		71.623.554
11	1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	14	71.623.554
20	III. Chi phí hoạt động Quỹ mở		723.684.690
20.1	1. Phí quản lý Quỹ	20.1	261.433.191
20.2	2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	97.325.371
20.3	3. Phí dịch vụ giám sát	20.2	29.274.193
20.4	4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.2	87.822.580
20.5	5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		63.019.355
20.8	6. Chi phí kiểm toán		75.000.000
20.10	7. Chi phí hoạt động khác		109.810.000
23	IV. Kết quả hoạt động đầu tư		(4.543.151.955)
24	V. Kết quả thu nhập khác và chi phí khác		-
30	VI. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.543.151.955)
31	1. Lỗ đã thực hiện		(950.470.712)
32	2. Lỗ chưa thực hiện		(3.592.681.243)
40	VII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")		-
41	VIII. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN		(4.543.151.955)

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Trưởng phòng Vận hành quỹ
phụ trách kế toán quỹ



Ông Nguyễn Thành Long
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ B03-QM
cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
I	Giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ đầu kỳ	-
II	Thay đổi NAV trong kỳ	(4.543.151.955)
	<i>Trong đó:</i>	
1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	(4.543.151.955)
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	50.617.164.372
	<i>Trong đó:</i>	
1	- Khoản thu từ việc phát hành lần đầu chứng chỉ quỹ	50.457.300.000
2	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	209.350.989
3	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(49.486.617)
IV	NAV của Quỹ cuối kỳ	46.074.012.417

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD



Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Trưởng phòng Vận hành quỹ
phụ trách kế toán quỹ

Ông Nguyễn Thành Long
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (%)
I	Cổ phiếu			37.635.662.500	81,27
1	Cổ phiếu niêm yết				
	KDH	55.000	31.500	1.732.500.000	3,74
	MBB	13.000	25.300	328.900.000	0,71
	MBS	10.350	26.000	269.100.000	0,58
	MSN	15.000	77.000	1.155.000.000	2,49
	MWG	18.000	88.400	1.591.200.000	3,44
	NLG	44.100	30.450	1.342.845.000	2,90
	NT2	26.000	24.350	633.100.000	1,37
	PHR	6.000	58.500	351.000.000	0,76
	PVS	22.470	34.300	770.721.000	1,66
	STB	26.000	58.000	1.508.000.000	3,26
	TCB	23.000	34.900	802.700.000	1,73
	TCH	94.500	18.300	1.729.350.000	3,73
	VCB	10.000	57.500	575.000.000	1,24
	VCI	33.000	35.300	1.164.900.000	2,52
	VHC	15.000	56.100	841.500.000	1,82
	VIB	32.000	17.750	568.000.000	1,23
	VIP	26.000	12.200	317.200.000	0,68
	VPB	5.000	28.650	143.250.000	0,31
	ACB	26.000	24.000	624.000.000	1,35
	ANV	86.000	25.700	2.210.200.000	4,77
	BID	8.000	38.900	311.200.000	0,67
	CTG	50.622	35.750	1.809.736.500	3,91
	CTI	29.000	22.250	645.250.000	1,39
	DCM	35.000	32.700	1.144.500.000	2,47
	DSE	44.000	26.100	1.148.400.000	2,48
	DXG	65.000	17.100	1.111.500.000	2,40
	DXS	53.000	9.070	480.710.000	1,04
	FPT	3.000	95.800	287.400.000	0,62
	GEG	40.000	15.400	616.000.000	1,33
	GMD	27.000	61.000	1.647.000.000	3,56
	HAH	13.000	58.700	763.100.000	1,65
	HCM	26.000	22.400	582.400.000	1,26
	HDG	40.000	27.300	1.092.000.000	2,36
	HPG	160.000	26.400	4.224.000.000	9,12
	IMP	5.600	52.500	294.000.000	0,63
	ITC	22.000	13.850	304.700.000	0,66
	KBC	46.000	35.350	1.626.100.000	3,51
2	Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCOM				
	PHP	10.000	31.200	312.000.000	0,67
	VLB	12.000	48.100	577.200.000	1,25



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (%)
II	Tài sản khác			36.000.000	0,08
1	Dự thu cổ tức			36.000.000	0,08
III	Tiền			8.639.538.843	18,66
1	Tiền gửi ngân hàng			8.639.538.843	18,66
IV	Tổng giá trị danh mục			46.311.201.343	100,00

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD



Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Trưởng phòng Vận hành quỹ
phụ trách kế toán quỹ

Ông Nguyễn Thành Long
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B05-QM

cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(4.543.151.955)
	<i>Điều chỉnh:</i>		
02	Chênh lệch giảm do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	3.592.681.243
04	Tăng chi phí trích trước		75.000.000
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(875.470.712)
06	Tăng các khoản đầu tư		(41.228.343.743)
07	Tăng dự thu, phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(36.000.000)
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ và Công ty Quản lý Quỹ		10.708
12	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		892
13	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		20.000.000
15	Tăng các khoản phải trả khác		45.000.000
16	Tăng phải trả cho dịch vụ quản lý Quỹ		97.177.326
17	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(41.977.625.529)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	10	50.666.650.989
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	10	(49.486.617)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		50.617.164.372
40	III. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		8.639.538.843
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		-



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

B05-QM

cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	8.639.538.843
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		8.639.538.843
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		5.635.855.243
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ quỹ		20.000.000
59	- Tiền gửi ký quỹ		2.983.683.600
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		8.639.538.843

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Trưởng phòng Vận hành quỹ
phụ trách kế toán quỹ



Ông Nguyễn Thành Long
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng RỒNG VÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng RỒNG VÀNG ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 137/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 05 năm 2025 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 259/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 7 năm 2025. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Tầng 7, Số 58, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điều lệ hoạt động Quỹ mở được ban hành trong ngày 22 tháng 7 năm 2025 và bản sửa đổi mới nhất được ban hành trong ngày 22 tháng 9 năm 2025.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 44/UBCK-GP ngày 24 tháng 11 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC-UBCK ngày 27/2/2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306274696 ngày 24 tháng 11 năm 2008, với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 11 tháng 12 năm 2025.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.045.730 chứng chỉ quỹ với tổng giá trị là 50.457.300.000 VND, chiếm 100,91% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 50.632.407.700 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là gia tăng giá trị tài sản ròng dài hạn và tối ưu hóa lợi nhuận cho các nhà đầu tư dựa trên cơ sở phân tích chuyên sâu, lựa chọn kỹ lưỡng các tài sản có chất lượng tốt cùng với phân bổ danh mục hợp lý cũng như đánh giá thị trường nhằm giảm thiểu rủi ro cho nhà đầu tư. Quỹ ưu tiên đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Mục tiêu đầu tư có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình thị trường và theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định của pháp luật.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV):

- ▶ Kỳ định giá hàng ngày: NAV được định giá hàng ngày vào các ngày làm việc. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá sẽ được dời đến ngày định giá (là ngày làm việc) kế tiếp.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Quỹ thực hiện giao dịch chứng chỉ Quỹ hàng ngày. Trong trường hợp ngày giao dịch là thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ bù theo quy định thì ngày giao dịch sẽ là ngày giao dịch kế tiếp.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi ngày và tần suất giao dịch theo điều kiện thị trường và hiệu quả hoạt động của Quỹ bằng cách Công bố thông tin về ngày và tần suất giao dịch mới trên website công ty và/ hoặc của các tổ chức phân phối trước 14 ngày kể từ ngày dự kiến giao dịch mới và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (2) lần trong một (1) tháng.

Hạn chế đầu tư

Hạn chế đầu tư của Quỹ:

- Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật;
- Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành, tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành; chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng Mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành; và Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (05%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ;
- i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- j) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành; và
- k) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do Công ty Quản lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - (i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư được quy định tại điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (k), nếu sự sai lệch đó xuất phát từ các nguyên nhân sau:

- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của Pháp Luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- c) Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập, chia, tách các tổ chức phát hành;
- d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ điều chỉnh; và
- e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chế độ kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập: Mẫu số B01-QM
2. Báo cáo tình hình tài chính: Mẫu số B02-QM
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ: Mẫu số B03-QM
4. Báo cáo danh mục đầu tư: Mẫu số B04-QM
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B05-QM
6. Thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B06-QM

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Các kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng RỒNG VÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là VND.

2.5 Quy định mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 136/2025/TT-BTC ("Thông tư 136") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư 136 có hiệu lực từ ngày 12 tháng 2 năm 2026.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Tổng Giám đốc cam kết Quỹ đã tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 198 trong việc lập báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

4.3.1 Nguyên tắc phân loại

Các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được phân loại theo các loại tài sản tài chính (cổ phiếu, trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, công cụ phái sinh,...) và theo hình thức giao dịch (giao dịch qua sàn giao dịch chứng khoán hoặc không qua sàn giao dịch chứng khoán ("OTC")). Đối với hình thức giao dịch OTC chỉ bao gồm các khoản đầu tư chuẩn bị niêm yết.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.3.2 Ghi nhận ban đầu

Quý ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc trên khoản mục "*Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận*" trên báo cáo tình hình tài chính.

4.3.3 Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "*Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận*" trên báo cáo tình hình tài chính.

4.3.4 Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các Ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98 và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.3.5 Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong sổ tay định giá như sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	Được xác định theo giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) ("giá BQ") của các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giá giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Trong các trường hợp sau: - Không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá; hoặc

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết (tiếp theo)	<p>- Có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán với giá có biến động bất thường so với giá mua bình quân gia quyền của trái phiếu đó, giá biến động bất thường là khi:</p> <p>Giá trái phiếu (giá sạch) trong ngày giao dịch trước Ngày Định Giá dao động vượt quá biên độ là $\pm 15\%$ so với giá trái phiếu (giá sạch được xác định tại kỳ NAV liền trước) ngày giao dịch gần nhất thì giá trái phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <p>(i) Giá mua bình quân gia quyền (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</p>
7.	Trái phiếu không niêm yết	<p>Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế;</p> <p>Trong trường hợp không có giá yết thì được thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <p>(i) Giá mua bình quân gia quyền (giá sạch) cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>(iii) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</p> <p>Ghi chú:</p> <p>(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.</p>
Cổ phiếu ưu đãi cổ tức		
Được phân làm hai (02) loại theo định nghĩa tại Điều 7 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/2/2014		
8.	Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu	Được xác định tương tự như Cổ phiếu
9.	Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả	Được xác định tương tự như Trái phiếu

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng RỒNG VÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
10.	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán liên quan) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây: (i) Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng ba mươi (30) ngày trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá mua bình quân gia quyền; hoặc (iii) Giá trị sổ sách; hoặc (iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sản giao dịch	Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sản giao dịch, cổ phiếu được định giá theo: (i) Giá đóng cửa cuối cùng (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán liên quan) của ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá trị sổ sách; hoặc (iii) Mệnh giá; hoặc (iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu được chấp thuận niêm yết và chưa có ngày giao dịch đầu tiên	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống của một trong các mức giá sau: (i) Giá mua bình quân gia quyền/giá trị vốn góp; hoặc (ii) Giá trị sổ sách; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
13.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Ưu tiên thứ tự từ trên xuống của một trong các mức giá sau: (i) Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
14.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Sử dụng một trong các phương pháp sau để xác định giá, theo thứ tự ưu tiên sau: (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Mệnh giá; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
15.	Quyền mua cổ phiếu	Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định theo công thức: $\text{Giá trị quyền mua} = (\text{giá cổ phiếu} - \text{giá phát hành cổ phiếu mới}) * \text{tỷ lệ thực hiện quyền.}$
16.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt thì ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống như sau: (i) Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; (ii) Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá chín mươi (90) ngày trước Ngày Định Giá; (iii) Giá mua bình quân gia quyền; (iv) Giá trị sổ sách; (v) Theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng khoán phái sinh niêm yết		
17.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Chứng khoán phái sinh niêm yết có giao dịch trong vòng mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá, giá được xác định là Giá đóng cửa hoặc Giá thanh toán cuối ngày gần nhất trước Ngày Định Giá. Trường hợp chứng khoán phái sinh niêm yết tại ngày giao dịch cuối cùng và chuẩn bị huỷ niêm yết, giá được xác định là giá thanh toán cuối cùng do VSDC xác định.
18.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá	Mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: (i) Giá đóng cửa của tài sản/công cụ cơ sở; hoặc (ii) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
19.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống một trong các mức giá sau: (i) Giá mua bình quân gia quyền /giá trị vốn góp; hoặc (ii) Giá trị sổ sách; hoặc (iii) Giá được Ban Đại diện Quỹ thông qua.
20.	Chứng chỉ quỹ niêm yết trên sở giao dịch (nếu có)	Được xác định theo giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của sở giao dịch chứng khoán liên quan) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống là một trong các mức giá sau: (i) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên Website Công Ty Quản Lý Quỹ đó; hoặc trên Sở Giao dịch Chứng khoán; hoặc trên Website UBCKNN,... tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc (ii) Giá mua bình quân gia quyền; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
21.	Chứng chỉ quỹ mở được phép đầu tư (nếu có)	Giá Trị Tài Sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ của quỹ đó tại ngày giao dịch gần nhất được công bố trước Ngày Định Giá.



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

4.3.5 Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại đầu ngày giao dịch.

Quyền mua cổ phiếu

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo theo giá trị thị trường sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền để mua một cổ phiếu mới.

4.4 Các hợp đồng bán và mua lại

Những chứng khoán được bán và chuyển giao quyền sở hữu cho một bên khác đồng thời được cam kết sẽ mua lại và nhận lại quyền sở hữu vào một thời điểm nhất định trong tương lai với một mức giá xác định vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo thu nhập trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Quyền hưởng lãi và các thu nhập liên quan (nếu có) từ các chứng khoán này thuộc về bên bán.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Quý tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu này. Theo đó, mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quý, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quý, phải trả cho Công ty Quản lý Quý và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.7 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

4.7.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ Quỹ sau khi quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ với chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

4.7.2 Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)

Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện, với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)*".

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.8 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ.

Quý ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quý được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quý và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Quý được xác lập.

Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quý mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát và Lưu ký (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.10 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các chi phí phát sinh của Quý được dự chi theo ngày thực tế trong kỳ định giá tương ứng với khoản dự chi phát sinh trong năm tài chính trên cơ sở một năm có 365 (366) ngày. Chi tiết một số chi phí chủ yếu của Quý như sau:

Phí quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Phí quản lý quỹ được tính theo công thức 1,2% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm. Phí quản lý quỹ được tính theo công thức sau:

$Phí\ quản\ lý = 1,2\% * Giá\ trị\ tài\ sản\ ròng\ được\ xác\ định\ vào\ ngày\ định\ giá * Số\ ngày\ thực\ tế\ trong\ kỳ\ định\ giá / 365.$

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.10 Các khoản chi phí (tiếp theo)

Phí giám sát, phí lưu ký và phí quản trị quỹ

Phí giám sát, phí lưu ký và phí quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát, lưu ký và quản trị cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí dưới đây không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký, giám sát và quản trị quỹ sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí giám sát, lưu ký và quản trị quỹ được xác định như sau:

*Phí lưu ký = 0,05% * Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / 365 (366).*

Phí lưu ký tối thiểu: 15.000.000 đồng/tháng (phí lưu ký không chịu thuế GTGT).

*Phí giám sát = 0,02% * Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / 365 (366).*

Phí giám sát tối thiểu: 5.000.000 đồng/tháng (phí giám sát chưa bao gồm thuế GTGT).

*Phí quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị tài sản ròng được xác định vào ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / 365 (366).*

Phí quản trị quỹ tối thiểu: 15.000.000 đồng/tháng (phí quản trị quỹ chưa bao gồm thuế GTGT).

4.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026 ("Thông tư 20"), Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111"), Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành ("Thông tư 25"), Luật Thuế TNDN 67/2025/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2025 ("Luật Thuế TNDN 67") và Nghị định 320/2025/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 15 tháng 12 năm 2025 ("Nghị định 320"). Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại theo mức thuế suất hiện hành (mức thuế suất năm 2024 là 20%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.11 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư 111, Thông tư 25, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

4.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư 198 được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

4.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4.15 Nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở

Giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

NAV trên một đơn vị Quỹ bằng NAV chia cho tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Việc xác định giá thị trường các tài sản của Quỹ được thực hiện theo phương pháp quy định tại Điều lệ Quỹ và Sổ tay định giá của Quỹ (*Thuyết minh số 4.3*).

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá không bao gồm chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan. Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và phải thu, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, và chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

5. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
VND

Tiền gửi cho hoạt động của Quỹ mở	5.635.855.243
Tiền gửi ký quỹ (*)	2.983.683.600
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ quỹ	20.000.000
	8.639.538.843

(*) Tiền gửi ký quỹ là khoản tiền gửi ký quỹ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, dùng để bảo đảm nghĩa vụ khi tham gia giao dịch chứng khoán phái sinh.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Đơn vị tính: VND					
	Chênh lệch do đánh giá lại					
	Giá mua [1]	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý [2]	Chênh lệch tăng [3]	Chênh lệch giảm [4]	Chênh lệch giảm thuần [5] = [3] - [4]	Giá trị đánh giá lại [6] = [1] + [3] - [4]
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	41.228.343.743	37.635.662.500	502.472.500	(4.095.153.743)	(3.592.681.243)	37.635.662.500
Cổ phiếu	<u>41.228.343.743</u>	<u>37.635.662.500</u>	<u>502.472.500</u>	<u>(4.095.153.743)</u>	<u>(3.592.681.243)</u>	<u>37.635.662.500</u>
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập					<u>(3.592.681.243)</u>	

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i> VND
Cổ tức dự thu	36.000.000
	36.000.000

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i> VND
Phải trả chi phí kiểm toán	75.000.000
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	45.000.000
	120.000.000

9. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i> VND
Phải trả phí quản lý Quỹ	46.977.326
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	15.000.000
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	13.200.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000
	97.177.326

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

10. TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp phát hành				Vốn góp mua lại				Giá trị tài sản ròng hiện hành/ chứng chỉ quỹ (VND)				
	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)	Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ (VND)	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá trị tài sản ròng bình quân (VND)	Giá trị ghi theo mệnh giá (VND)		Thặng dư vốn (VND)	Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ (VND)	Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (chứng chỉ quỹ)	Giá trị vốn góp hiện hành (VND)
Tại ngày 22/7/2025	5.045.730,00	10.000,00	50.457.300.000	-	50.457.300.000	-	10.000,00	-	-	-	5.045.730,00	50.457.300.000	10.000,00
Phát sinh trong giai đoạn	22.575,81	9.273,24	225.756.100	(16.407.111)	209.350.989	(5.065,04)	10.229,77	(50.650.400)	1.163.783	(49.486.617)	17.510,77	159.864.372	(900,29)
Tại ngày 31/12/2025	5.068.305,81	9.996,76	50.683.058.100	(16.407.111)	50.666.650.989	(5.065,04)	10.229,77	(50.650.400)	1.163.783	(49.486.617)	5.063.240,77	50.617.164.372	9.099,71

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

11. LỖ LŨY KẾ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i> VND
Lỗ đã thực hiện	(950.470.712)
Lỗ chưa thực hiện	(3.592.681.243)
	(4.543.151.955)

12. THU NHẬP CÓ TỨC VÀ TIỀN LÃI

	<i>Cho kỳ kế toán</i> <i>từ ngày 22 tháng 7 năm 2025</i> <i>(ngày thành lập)</i> <i>đến ngày 31 tháng 12 năm 2025</i> VND
Cổ tức	257.400.000
- Cổ tức phát sinh trong kỳ đã nhận	221.400.000
- Cổ tức dự thu	36.000.000
Tiền lãi	23.308.789
- Tiền lãi phát sinh trong kỳ đã nhận	23.308.789

13. LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập)</i> <i>đến ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>		
	<i>Tổng giá trị bán</i> <i>(đã bao gồm</i> <i>phí môi giới)</i> VND	<i>Giá vốn bình quân</i> <i>gia quyền tính đến</i> <i>cuối ngày giao dịch</i> VND	<i>Lãi/(Lỗ) bán</i> <i>chứng khoán</i> VND
Cổ phiếu	6.288.555.000	6.191.446.257	97.108.743
Lỗ vị thế ròng trên hợp đồng tương lai chỉ số đã tất toán			(532.980.000)
	6.288.555.000	6.191.446.257	(435.871.257)

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

14. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	58.661.165
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	8.557.283
Chi phí giao dịch mua phái sinh	4.405.106
	71.623.554

15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỒNG

Giá trị tài sản ròng cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025:

<i>Ngày tính NAV</i>	<i>NAV VND</i>	<i>Số lượng CCQ</i>	<i>NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND</i>	<i>Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND</i>
21/07/2025	50.457.300.000	5.045.730,00	10.000,00	
28/07/2025	50.439.676.788	5.045.730,00	9.996,51	(3,49)
31/07/2025	50.428.537.923	5.045.730,00	9.994,30	(2,21)
04/08/2025	50.413.752.194	5.045.730,00	9.991,37	(2,93)
07/08/2025	50.409.241.624	5.045.730,00	9.990,48	(0,89)
10/08/2025	50.394.504.508	5.045.830,09	9.987,36	(3,12)
11/08/2025	50.397.648.887	5.045.830,09	9.987,98	0,62
12/08/2025	50.398.909.235	5.045.530,33	9.988,82	0,84
13/08/2025	50.385.664.008	5.045.530,33	9.986,20	(2,62)
14/08/2025	50.409.418.000	5.045.530,33	9.990,91	4,71
17/08/2025	50.385.681.754	5.045.530,33	9.986,20	(4,71)
18/08/2025	50.387.436.469	5.045.530,33	9.986,55	0,35
19/08/2025	50.376.543.223	5.045.415,34	9.984,62	(1,93)
20/08/2025	50.352.799.077	5.045.415,34	9.979,91	(4,71)
21/08/2025	50.360.554.676	5.045.415,34	9.981,45	1,54
24/08/2025	50.337.823.151	5.045.415,34	9.976,94	(4,51)
25/08/2025	50.340.065.501	5.046.267,65	9.975,70	(1,24)
26/08/2025	50.369.026.969	5.046.267,65	9.981,44	5,74
27/08/2025	50.201.120.384	5.046.267,65	9.948,17	(33,27)
28/08/2025	50.369.254.697	5.046.287,75	9.981,45	33,28
31/08/2025	50.409.654.265	5.046.387,93	9.989,25	7,80
01/09/2025	50.405.478.601	5.046.387,93	9.988,43	(0,82)
02/09/2025	50.401.303.074	5.046.387,93	9.987,60	(0,83)
03/09/2025	50.676.894.254	5.046.387,93	10.042,21	54,61
04/09/2025	51.233.173.696	5.046.357,84	10.152,51	110,30
07/09/2025	50.439.871.738	5.046.357,84	9.995,30	(157,21)
08/09/2025	49.391.824.242	5.046.077,84	9.788,16	(207,14)
09/09/2025	49.672.470.803	5.046.486,49	9.842,98	54,82
10/09/2025	49.551.291.073	5.046.436,49	9.819,07	(23,91)
11/09/2025	50.015.344.452	5.046.336,49	9.911,22	92,15
14/09/2025	50.489.868.562	5.046.336,49	10.005,25	94,03
15/09/2025	51.122.766.302	5.046.286,49	10.130,77	125,52
16/09/2025	50.756.026.111	5.045.636,49	10.059,39	(71,38)
17/09/2025	50.081.831.087	5.045.636,49	9.925,77	(133,62)
18/09/2025	49.992.602.708	5.045.586,49	9.908,18	(17,59)

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng RỒNG VÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

<u>Ngày tính NAV</u>	<u>NAV VND</u>	<u>Số lượng CCQ</u>	<u>NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND</u>	<u>Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND</u>
21/09/2025	49.780.453.523	5.045.186,49	9.866,92	(41,26)
22/09/2025	49.041.774.194	5.045.186,49	9.720,51	(146,41)
23/09/2025	49.143.134.978	5.046.069,66	9.738,89	18,38
24/09/2025	49.923.200.670	5.046.069,66	9.893,48	154,59
25/09/2025	49.992.670.259	5.046.069,66	9.907,25	13,77
28/09/2025	49.743.697.471	5.046.069,66	9.857,91	(49,34)
29/09/2025	49.612.072.892	5.046.069,66	9.831,82	(26,09)
30/09/2025	49.246.353.725	5.046.019,66	9.759,45	(72,37)
01/10/2025	49.428.472.070	5.046.019,66	9.795,54	36,09
02/10/2025	48.767.162.145	5.046.019,66	9.664,48	(131,06)
05/10/2025	48.306.671.121	5.045.769,66	9.573,70	(90,78)
06/10/2025	50.038.259.405	5.045.769,66	9.916,87	343,17
07/10/2025	49.349.630.180	5.045.769,66	9.780,40	(136,47)
08/10/2025	49.977.520.461	5.045.769,66	9.904,84	124,44
09/10/2025	50.274.945.963	5.045.769,66	9.963,78	58,94
12/10/2025	50.774.289.654	5.045.769,66	10.062,74	98,96
13/10/2025	51.094.775.065	5.045.719,66	10.126,36	63,62
14/10/2025	50.229.207.815	5.046.362,11	9.953,55	(172,81)
15/10/2025	50.283.038.051	5.046.362,11	9.964,22	10,67
16/10/2025	50.759.366.939	5.045.962,11	10.059,40	95,18
19/10/2025	50.317.943.644	5.045.962,11	9.971,92	(87,48)
20/10/2025	47.484.577.292	5.045.912,11	9.410,50	(561,42)
21/10/2025	47.689.712.791	5.045.912,11	9.451,16	40,66
22/10/2025	48.304.333.083	5.045.912,11	9.572,96	121,80
23/10/2025	48.138.098.840	5.045.912,11	9.540,02	(32,94)
26/10/2025	48.032.019.114	5.045.933,07	9.518,96	(21,06)
27/10/2025	47.370.790.099	5.045.933,07	9.387,91	(131,05)
28/10/2025	48.175.899.613	5.045.933,07	9.547,47	159,56
29/10/2025	48.832.942.525	5.045.933,07	9.677,68	130,21
30/10/2025	49.029.558.973	5.045.933,07	9.716,65	38,97
31/10/2025	48.558.049.228	5.045.933,07	9.623,21	(93,44)
02/11/2025	48.550.205.499	5.045.933,07	9.621,65	(1,56)
03/11/2025	47.285.415.311	5.045.933,07	9.371,00	(250,65)
04/11/2025	48.423.167.717	5.045.933,07	9.596,47	225,47
05/11/2025	48.091.011.043	5.045.933,07	9.530,65	(65,82)
06/11/2025	47.876.591.419	5.045.933,07	9.488,15	(42,50)
09/11/2025	46.734.991.320	5.045.933,07	9.261,91	(226,24)
10/11/2025	46.425.213.234	5.045.933,07	9.200,52	(61,39)
11/11/2025	46.778.494.713	5.046.802,58	9.268,94	68,42
12/11/2025	47.518.071.876	5.046.802,58	9.415,48	146,54
13/11/2025	47.517.201.018	5.046.802,58	9.415,31	(0,17)
16/11/2025	47.654.268.520	5.046.802,58	9.442,47	27,16
17/11/2025	48.209.984.780	5.046.302,58	9.553,53	111,06
18/11/2025	48.430.636.940	5.046.302,58	9.597,25	43,72
19/11/2025	48.109.889.645	5.046.312,99	9.533,67	(63,58)
20/11/2025	47.888.874.617	5.046.312,99	9.489,87	(43,80)
23/11/2025	47.843.246.518	5.046.012,99	9.481,40	(8,47)
24/11/2025	47.626.710.109	5.046.012,99	9.438,48	(42,92)
25/11/2025	47.112.514.249	5.045.072,95	9.338,32	(100,16)
26/11/2025	47.760.973.426	5.045.072,95	9.466,85	128,53

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng RỒNG VÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

15. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho giai đoạn từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

<i>Ngày tính NAV</i>	<i>NAV VND</i>	<i>Số lượng CCQ</i>	<i>NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND</i>	<i>Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND</i>
27/11/2025	47.487.782.585	5.045.072,95	9.412,70	(54,15)
30/11/2025	47.323.535.706	5.045.072,95	9.380,15	(32,55)
01/12/2025	47.151.322.406	5.045.072,95	9.346,01	(34,14)
02/12/2025	47.008.775.293	5.045.072,95	9.317,76	(28,25)
03/12/2025	47.234.583.703	5.045.072,95	9.362,52	44,76
04/12/2025	47.600.529.134	5.045.072,95	9.435,05	72,53
07/12/2025	47.029.571.203	5.045.072,95	9.321,88	(113,17)
08/12/2025	46.571.326.472	5.045.072,95	9.231,05	(90,83)
09/12/2025	46.294.341.848	5.045.072,95	9.176,15	(54,90)
10/12/2025	46.223.798.543	5.045.072,95	9.162,17	(13,98)
11/12/2025	46.061.490.575	5.045.072,95	9.129,99	(32,18)
14/12/2025	44.705.998.841	5.045.072,95	8.861,32	(268,67)
15/12/2025	44.630.487.855	5.045.022,95	8.846,44	(14,88)
16/12/2025	45.630.278.064	5.045.079,46	9.044,51	198,07
17/12/2025	45.329.240.570	5.045.090,51	8.984,82	(59,69)
18/12/2025	45.371.850.080	5.045.151,77	8.993,16	8,34
21/12/2025	45.698.754.443	5.045.344,48	9.057,61	64,45
22/12/2025	46.317.905.868	5.045.355,52	9.180,31	122,70
23/12/2025	46.300.192.926	5.056.553,37	9.156,47	(23,84)
24/12/2025	46.438.746.328	5.057.427,06	9.182,29	25,82
25/12/2025	45.912.199.075	5.057.481,51	9.078,08	(104,21)
28/12/2025	45.975.321.057	5.057.778,91	9.090,02	11,94
29/12/2025	46.135.232.038	5.058.287,92	9.120,72	30,70
30/12/2025	46.229.560.418	5.061.270,12	9.133,98	13,26
31/12/2025	46.074.012.417	5.063.240,77	9.099,71	(34,27)
NAV bình quân trong kỳ				48.659.366.193
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong kỳ Mức Cao Nhất				561,42
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị Chứng chỉ quỹ trong kỳ Mức Thấp Nhất				0,17

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

16. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</u>
Đến 1 năm	5.063.240,77
Trên 1 năm	-
	<u><u>5.063.240,77</u></u>

17. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

*Cho kỳ kế toán
từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2025*

Tỷ lệ chi phí hoạt động	3,27%
Tốc độ vòng quay danh mục	55,19%

17.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay.
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện).
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế TNDN), bao gồm cả thuế Nhà thầu.
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ.
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

17.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) kỳ, Tỷ lệ này được tính toán cho 12 tháng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ}) * 100\%}{2 * \text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng RỒNG VÀNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

18. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quý. Quý cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

18.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

Các phân tích độ nhạy đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quý quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quý được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Quý cũng là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quý là không có.

18.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quý chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quý theo chính sách của Quý. Quý nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quý là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quý (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

18. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

19. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	<i>Giá trị ghi sổ VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
Tài sản tài chính		
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	37.635.662.500	37.635.662.500
- <i>Cổ phiếu</i>	37.635.662.500	37.635.662.500
Tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải thu	8.675.538.843	8.675.538.843
- <i>Tiền gửi ngân hàng</i>	8.639.538.843	8.639.538.843
- <i>Các khoản phải thu</i>	36.000.000	36.000.000
	46.311.201.343	46.311.201.343
Nợ tài chính phải trả		
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	97.177.326	97.177.326
Chi phí phải trả	120.000.000	120.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	20.000.000	20.000.000
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty Quản lý Quỹ	10.708	10.708
	237.188.034	237.188.034

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quý sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh số 4.3*.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

20.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

a) *Công ty Quản lý Quỹ*

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

Cho kỳ kế toán
từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2025
VND

Phí quản lý Quỹ 261.433.191

Các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
VND

Phí quản lý Quỹ phải trả 46.977.326

b) *Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ*

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán như chi phí của Quỹ.

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

Cho kỳ kế toán
từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2025
VND

Thù lao Ban Đại diện Quỹ 105.000.000

Các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
VND

Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ 45.000.000

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

20.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ("Ngân hàng Giám sát"), Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ giám sát là 0,02% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 5.000.000 đồng mỗi tháng), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí dịch vụ lưu ký là 0,05% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng giám sát một khoản phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng trên mỗi giao dịch thành công cho một mã chứng khoán trong ngày.

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ với Ngân hàng Giám sát như sau:

*Cho kỳ kế toán
từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2025
VND*

Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	80.225.806
Phí dịch vụ quản trị Quý	87.822.580
Phí dịch vụ giám sát	29.274.193
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quý mở - Giao dịch chứng khoán	16.041.015
Phí ngân hàng	1.210.000

Các số dư với Ngân hàng Giám sát tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

*Ngày 31 tháng 12 năm 2025
VND*

Tiền gửi ngân hàng	4.047.385.831
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quý	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.000.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

21. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>
Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động	
Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,54%
Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho ngân hàng giám sát/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,26%
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,31%
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,15%
Chi phí dịch vụ vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,22%
Các chỉ tiêu khác	
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	0,01%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư/cổ đông lớn nhất cuối kỳ (%)	99,59%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	0,00%
Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối kỳ (VND)	9.099,71
Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch ký danh	160

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán từ ngày 22 tháng 7 năm 2025
(ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

B06-QM

22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Người lập

Bà Trương Ngọc Như Quỳnh
Trưởng phòng Vận hành quỹ
phụ trách kế toán quỹ



Ông Nguyễn Thành Long
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG RÒNG VÀNG (“QUỸ”)

1. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận đầu tư bao gồm lãi và sự tăng trưởng vốn đầu tư chủ yếu thông qua đầu tư vào danh mục trái phiếu và các chứng khoán có thu nhập cố định bao gồm cổ phiếu ưu đãi cổ tức được phân loại là nợ phải trả, thị trường tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng tử có giá và các tài sản gia tăng giá trị cho Quỹ.

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ và Bản cáo bạch.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ giảm 9,00% so với giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày 22 tháng 7 năm 2025.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Mang lại lợi nhuận cao và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, lợi tức trái phiếu và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Quỹ đầu tư tập trung vào các tài sản có thu nhập cố định như trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi có lợi suất cao nhằm tối đa hóa lợi nhuận trong dài hạn. Quản lý chủ động, hướng tới mục tiêu gia tăng tài sản ổn định cho khách hàng.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 137/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 259/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 7 năm 2025.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao)

Mức độ rủi ro ngắn hạn của Quỹ ở mức thấp.



12/2025

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG RÒNG VÀNG (“QUỸ”) (tiếp theo)

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 22 tháng 7 năm 2025.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 5.063.240,77 CCQ tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 50.632.407.700 đồng.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định), phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

11. Lãi lũy kế thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 0 VNĐ.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (%)
Cổ phiếu	81,27
Tiền và các khoản tương đương tiền	18,66
Tài sản khác	0,08
Tổng	100,00

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ	46.074.012.417
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	5.063.240,77
2.3. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị CCQ	9.099,71
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	10.152,51
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	8.846,44
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	N/A
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	N/A
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	N/A
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	-9,00%
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	N/A
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	N/A
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không có
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không có
2.12. Ngày chốt quyền	Không có
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	3,27%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	55,19%

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- Từ khi thành lập	-9,00%	-19,15%

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	-9,00%

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rộng Vàng

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

- Năm 2025 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển kinh tế của Việt Nam, khi nền kinh tế vượt qua nhiều trở lực từ môi trường quốc tế để đạt được kết quả toàn diện và ấn tượng trên hầu hết các lĩnh vực.
- **Tăng trưởng GDP** đạt 8,02% - mức cao thứ hai trong giai đoạn 2011-2025, xếp Việt Nam vào nhóm tăng trưởng hàng đầu khu vực ASEAN và thế giới. Quy mô GDP theo giá hiện hành ước đạt 514 tỷ USD, đưa Việt Nam lên vị trí thứ 32 thế giới. GDP bình quân đầu người đạt 5.026 USD, lần đầu tiên đưa Việt Nam chính thức gia nhập nhóm quốc gia có thu nhập trung bình cao. Động lực tăng trưởng đến từ cả hai đầu tàu: khu vực công nghiệp và xây dựng - đặc biệt ngành chế biến, chế tạo tăng 9,97%, mức cao nhất giai đoạn 2019-2025 - đóng góp 31,49% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế.
- **Ổn định kinh tế vĩ mô** được duy trì vững chắc. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm trước - nằm trong vùng mục tiêu dưới 4,5% mà Chính phủ đặt ra, đảm bảo đời sống người dân không bị bào mòn bởi sự tăng giá trong bối cảnh tăng trưởng cao. Về tài khóa, bội chi ngân sách ở mức khoảng 3,6% GDP (thấp hơn dự toán 3,8%), nợ công ở mức 35-36% GDP - an toàn trong ngưỡng trần 60% được Quốc hội phê duyệt.
- **Thu hút đầu tư nước ngoài (FDI)** tiếp tục là điểm sáng nổi bật. Vốn FDI thực hiện cả năm đạt 27,62 tỷ USD - tăng 9% so với năm trước và xác lập mức cao nhất trong giai đoạn 2021-2025 - trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 82,8% tổng vốn giải ngân. Việt Nam tiếp tục là điểm đến hàng đầu của dòng vốn FDI chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và năng lượng xanh.
- **Thương mại quốc tế** ghi nhận năm thứ mười liên tiếp xuất siêu. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tăng trưởng 16,0% trong chín tháng đầu năm, xuất siêu đạt khoảng 16,82 tỷ USD, cho thấy khả năng chống chịu và đa dạng hóa thị trường của nền kinh tế. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới tiếp tục phát huy hiệu quả, giúp hàng hóa Việt Nam giữ vững thị phần tại các thị trường chủ lực.
- **Hạ tầng và thể chế** có bước đột phá đáng kể. Năm 2025 chứng kiến sự hoàn thiện cơ bản của trục cao tốc Bắc - Nam phía Đông và đưa vào khai thác hàng loạt dự án hạ tầng trọng điểm, tạo ra không gian phát triển mới và giảm chi phí logistics cho doanh nghiệp. Về cải cách bộ máy, từ ngày 1/7/2025, mô hình chính quyền địa phương hai cấp (không còn cấp huyện) chính thức vận hành tại 34 tỉnh thành - mở rộng không gian phát triển mới và tạo nền tảng để đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.
- Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với một số thách thức không thể xem nhẹ. Ngày 3/4/2025, Hoa Kỳ công bố mức thuế đối ứng lên tới 46% áp dụng cho hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam - một bất lợi lớn đối với lĩnh vực xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, tăng trưởng xuất khẩu và đầu tư FDI vẫn dựa nhiều vào khu vực gia công, giá trị gia tăng nội địa còn thấp, trong khi các rào cản thương mại và tiêu chuẩn xanh tại Mỹ và EU ngày càng siết chặt.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

2. Thị trường chứng khoán

- Năm 2025 ghi nhận nhiều biến động đáng chú ý trên thị trường chứng khoán Việt Nam, với chỉ số VN-Index đạt mức tăng trưởng ấn tượng về mặt kỹ thuật, song diễn biến thực tế của phần lớn danh mục đầu tư lại không phản ánh tương đương con số đó.
- **Diễn biến chỉ số và thanh khoản.** VN-Index khép lại năm 2025 tại mức 1.784,49 điểm - tăng 517,71 điểm tương đương 40,87% so với cuối năm 2024. Tuy nhiên, đà tăng này cần được nhìn nhận thận trọng trong bối cảnh thị trường trải qua nhiều giai đoạn biến động mạnh. Đầu tháng 4/2025, thông tin về chính sách thuế đối ứng của Tổng thống Mỹ Donald Trump đã kích hoạt làn sóng bán tháo diện rộng, khiến VN-Index có thời điểm thủng mốc 1.100 điểm. Về thanh khoản, hệ thống công nghệ KRX đi vào vận hành từ ngày 5/5/2025 tạo ra sự cải thiện về hạ tầng giao dịch, đưa tổng giá trị giao dịch cả ba sàn lên gần 83.000 tỷ đồng trong phiên ngày 5/8. Giá trị giao dịch bình quân cả năm đạt gần 29.500 tỷ đồng/phiên, tăng hơn 40% so với năm 2024 - dù thanh khoản cải thiện nhưng không đồng đều giữa các nhóm cổ phiếu.
- **Sự phân hóa sâu sắc giữa chỉ số và thực tế thị trường.** Điểm cần đặc biệt lưu ý là mức tăng 40,87% của VN-Index không phản ánh trung thực hiệu suất của phần lớn cổ phiếu niêm yết. Đà tăng của chỉ số trong năm 2025 phụ thuộc đáng kể vào sự bứt phá của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, nổi bật là hệ sinh thái Vingroup (VIC, VHM, VRE) - nhóm có trọng số chi phối trong rổ tính VN-Index. Sự hồi phục và tăng tốc của riêng nhóm cổ phiếu này đã kéo chỉ số đầu lên đáng kể, trong khi phần lớn cổ phiếu trên sàn - đặc biệt nhóm vốn hóa vừa và nhỏ - có diễn biến kém tích cực hơn rõ rệt so với chỉ số, thậm chí nhiều mã đi ngang hoặc giảm trong cả năm. Hiện tượng phân hóa này khiến chỉ số VN-Index trở nên kém đại diện hơn cho sức khỏe tổng thể của thị trường, và là nguyên nhân phổ biến dẫn đến kết quả của các danh mục đầu tư đa dạng hóa thường thấp hơn đáng kể so với mức tăng của chỉ số.
- **Quy mô và cơ sở nhà đầu tư.** Vốn hóa thị trường cổ phiếu Việt Nam lần đầu tiên vượt mốc 10 triệu tỷ đồng vào ngày giao dịch cuối năm 2025 - song con số này phần lớn phản ánh sự tăng giá tập trung ở nhóm vốn hóa lớn như đề cập ở trên. Tính đến hết tháng 12/2025, toàn thị trường có gần 11,6 triệu tài khoản chứng khoán - tăng thêm gần 2,3 triệu tài khoản so với cuối năm 2024. Thị trường trái phiếu ghi nhận sự cải thiện với giá trị giao dịch bình quân đạt khoảng 15.000 tỷ đồng/phiên, tăng 26,8% so với năm trước, trong khi tổng giá trị niêm yết toàn thị trường đạt 2.623 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 22,8% GDP.
- **Sự kiện thể chế - Nâng hạng thị trường.** Một sự kiện đáng ghi nhận về mặt thể chế là thị trường chứng khoán Việt Nam chính thức được FTSE Russell nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp trong năm 2025, được hỗ trợ bởi việc hệ thống KRX đi vào vận hành từ ngày 05/5/2025. Ngày 12/9/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2014/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam. FTSE Russell ước tính dòng vốn ngoại có thể đổ vào lên tới 6 tỷ USD khi nâng hạng chính thức có hiệu lực, trong khi HSBC đưa ra dự báo thận trọng hơn ở mức 3,4 tỷ USD. Tuy nhiên, tác động thực tế đến dòng vốn ngoại trong năm 2025 còn hạn chế khi áp lực tỷ giá USD/VND tăng khoảng 3,33% trong cả năm cùng với làn sóng dịch chuyển dòng vốn toàn cầu tiếp tục gây áp lực lên danh mục của nhà đầu tư nước ngoài.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rộng Vàng

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

3. Triển vọng thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam bước vào năm 2026 trong bối cảnh vĩ mô thuận lợi và với nhiều yếu tố mang tính nền tảng được củng cố vững chắc. Tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8,02%, vượt mục tiêu đề ra, qua đó tiếp tục tạo nền tảng tích cực hỗ trợ cho sự phát triển của thị trường chứng khoán. Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi là năm mở đầu cho kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, đồng thời là năm củng cố vị thế thị trường mới nổi với yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động, tính ổn định, minh bạch và bền vững.

Về môi trường chính sách và thể chế, với mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân trên 10% trong giai đoạn 2026–2030, Chính phủ xác định thị trường vốn – trong đó có thị trường chứng khoán – phải phát huy mạnh mẽ hơn vai trò là kênh huy động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế. Đây là định hướng tạo nền tảng chính sách vĩ mô hỗ trợ dài hạn cho thị trường.

Một điểm nhấn quan trọng là cột mốc nâng hạng thị trường. Trong kỳ rà soát tháng 9/2025, FTSE Russell xác nhận Việt Nam đã đáp ứng toàn bộ tiêu chí của Thị trường Mới nổi thứ cấp – cột mốc lịch sử phản ánh cam kết cải cách mạnh mẽ nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận của thị trường vốn. Thông tư 08/2026/TT-BTC có hiệu lực từ đầu tháng 2/2026 cho phép nhà đầu tư nước ngoài đặt lệnh thông qua công ty chứng khoán toàn cầu mà không cần mở tài khoản giao dịch trong nước, giúp rút ngắn thủ tục, giảm chi phí và tiệm cận thông lệ quốc tế.

Lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết dự báo tăng 15% trong năm 2026, vượt trội so với các thị trường trong khu vực, trong khi P/E dự phóng 2026 hiện ở mức 12,7x – thấp hơn mức trung bình lịch sử tạo ra các cơ hội hấp dẫn cho đầu tư dài hạn.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội, thị trường vẫn đối mặt với một số rủi ro cần lưu ý. Dù triển vọng trung và dài hạn được đánh giá tích cực, thị trường vẫn phải đối mặt với những thách thức liên quan đến mặt bằng lãi suất, diễn biến của thị trường bất động sản và các rủi ro toàn cầu, đòi hỏi nhà đầu tư duy trì sự thận trọng trong quá trình phân bổ vốn.

Tổng thể, năm 2026 là giai đoạn then chốt khi thị trường chứng khoán cần chuyển từ "đạt điều kiện" sang "vận hành ổn định và bền vững" theo chuẩn mực của thị trường mới nổi. Với sự hỗ trợ của các yếu tố nền tảng vĩ mô, cải cách thể chế, lộ trình nâng hạng và định giá hấp dẫn, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2026 được đánh giá sẽ tiếp tục là kênh phân bổ vốn trung và dài hạn hiệu quả, mang lại cơ hội gia tăng giá trị cho các nhà đầu tư có chiến lược đầu tư có chọn lọc và kỷ luật.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Ròng Vàng

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

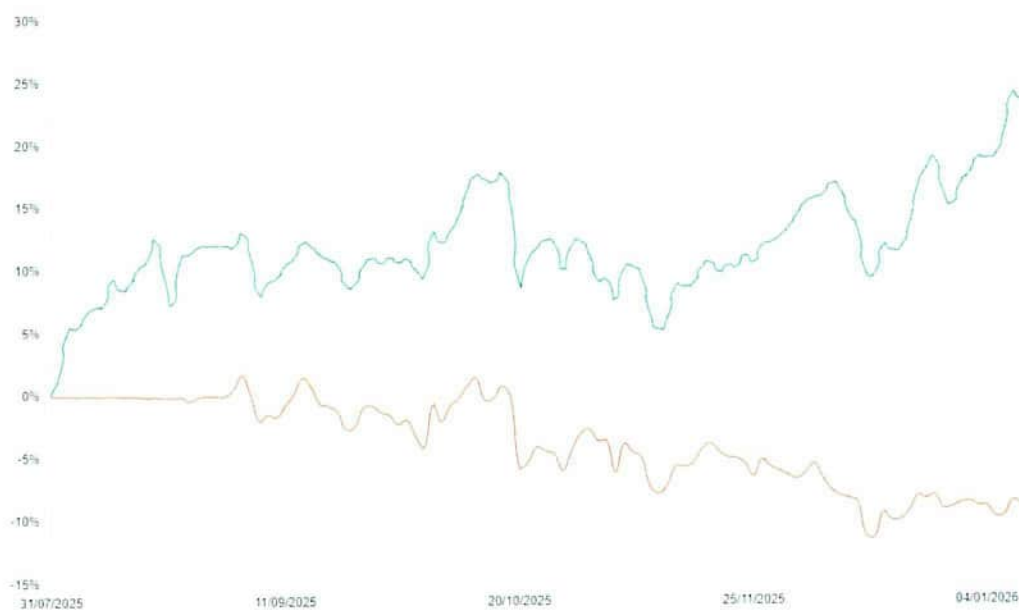
1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	N/A
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ	-9,00%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	N/A
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	-9,00%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	N/A
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	N/A

- Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ từ khi thành lập

Kết quả hoạt động quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

— GDEGF — VN-Index



Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

- Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 22 tháng 7 năm 2025	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	46.074.012.417	50.457.300.000	-9,00%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	9.099,71	10.000,00	-9,00%

NAV của quỹ tại 31/12/2025 tăng trưởng -9,00% so với tại 22 tháng 7 năm 2025 do nhà đầu tư thực hiện bán chứng chỉ quỹ nhiều hơn mua.

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất)

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	156	32.347,90	0,64%
Từ 5.000 đến dưới 10.000	0	0,00	0,00%
Từ 10.000 đến dưới 50.000	3	30.892,87	0,61%
Từ 50.000 đến 500.000	0	0,00	0,00%
Trên 500.000	1	5.000.000,00	98,75%
Tổng cộng	160	5.063.240,77	100,00%

3. Chi phí ngậm và giảm giá

Trong giai đoạn báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngậm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng RỒNG VÀNG

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN KHÁC

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD ("Công ty Quản lý Quỹ").

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Nhân sự điều hành Quỹ	Nguyễn Thành Long	Tổng Giám đốc CTCP Quản Lý Quỹ HD	Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh; Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.	- Từ 11/2017 đến 01/2020: CTCP Chứng khoán Eurocapital; - Từ 02/2020 đến 10/2021: CTCP Chứng khoán HD; - Từ 12/2021 đến nay: CTCP Quản lý quỹ HD.
	Lý Minh Dũng	Chuyên viên Phân tích đầu tư	Thạc sĩ tài chính của Trường Đại Học Victoria – Úc Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.	- Từ 11/2009 đến 04/2011: Chuyên Viên Tư Vấn Tài Chính Doanh Nghiệp. Công Ty TNHH Chứng Khoán ACB; - Từ 05/2011 đến 02/2014: Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng. Ngân Hàng TMCP Á Châu; - Từ 03/2014 đến 05/2019: Giám Đốc Tư Vấn Đầu Tư. CTCP Chứng Khoán TP. HCM; - Từ 06/2019 đến 10/2020: Chuyên Gia Tư Vấn Đầu Tư Quỹ Mở. Ngân Hàng Royal Bank of Canada; - Từ 11/2020 đến 11/2023: Giám Đốc Quản Lý Tài Sản. CTCP Chứng Khoán TP. HCM; - Từ 12/2023 đến 07/2024: Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng. Ngân Hàng TNHH CTBC Chi Nhánh TP. HCM; - Hiện nay: Chuyên viên phân tích đầu tư Công ty cổ phần quản lý quỹ HD.
	Lê Thanh Hòa	Chuyên viên Phân tích Đầu tư	Cử nhân Chương trình Điện tử Viễn thông tại Học viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông; Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ; Chứng chỉ CFA	- Từ 05/2017 – 05/2018: Chuyên viên phân tích. CTCP Chứng khoán Bảo Việt; - Từ 06/2018 – 02/2024: Trưởng nhóm phân tích và quản lý danh mục. CTCP Chứng khoán Bảo Việt; - Từ 03/2024 – 01/2025: Trưởng phòng quản lý danh mục. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư SGI; - Từ 04/2025 – nay: Chuyên viên phân tích đầu tư. Công ty Cổ phần Quản lý quỹ HD.
Ban Đại diện Quỹ	Trương Thành Long	Chủ tịch	Thạc sĩ quản trị kinh doanh Chứng chỉ kế toán trưởng	- Từ 2001 đến 2003: Kế toán trưởng. Công ty cổ phần Trường Thọ; - Từ 2004 đến 6/2005: Kế toán trưởng. Công ty Sản xuất Minh Yên; - Từ 7/2005 đến 12/2007: Kế toán tổng hợp. Công ty TNHH Địa ốc Phú Long; - Từ 01/2008 đến 10/2012: Kế toán tổng hợp. Công ty cổ phần Địa ốc Phú Long; - Từ 11/2012 đến 10/2013: Phó phòng kế toán. Công ty cổ phần Địa ốc Phú Long; - Từ 8/2014 đến nay: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng. Công ty cổ phần Địa ốc Phú Long; - Từ 2017 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc. Công ty cổ phần Đầu tư Tập đoàn KLC.

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD ("Công ty Quản lý Quỹ") (tiếp theo)

	Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ban Đại diện Quỹ (tiếp theo)	Đặng Thị Hương Giang	Thành viên	Cử nhân Kinh tế và bằng Thạc sỹ Quản lý kinh tế Trường Đại học Nông Lâm Chứng chỉ Kế toán viên	- Từ 01/2001 – 12/2011: Nhân viên kiểm toán nhà nước khu vực phía Nam (nay là kiểm toán nhà nước KV IV); - Từ 01/2022 – 04/2024: Quản lý tiền gửi, tiền vay của các doanh nghiệp lớn, quản lý cho vay và tiền gửi đối với KHCN. Ngân hàng BIDV; - Từ 04/2024 đến nay: ban điều hành CTCP Đầu tư tài chính Việt Long.
	Bùi Trọng Nghĩa	Thành viên	Cử nhân Kinh tế - Phát triển Doanh nghiệp dầu khí Trường Đại học Mở - Địa chất Hà Nội Cử nhân tiếng anh Trường Đại học Hà Nội Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ	- Từ 8/2014 đến 9/20215: Chuyên viên môi giới. CTCP Chứng khoán Tp.HCM – HSC; - Từ 10/2015 đến 4/2017: Chuyên viên môi giới. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam – KIS; - Từ 6/2017 đến 10/2017: Chuyên viên môi giới. CTCP Chứng khoán Sài Gòn – SSI; - Từ 11/2017 đến 11/2018: Chuyên viên Ban đầu tư. CTCP Tập đoàn Đông Thiên Phú; - Từ 11/2018 đến 11/2019: Chuyên viên môi giới. CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam; - Từ 01/2020 đến 10/2021: Chuyên viên môi giới. CTCP Chứng khoán Everest - Từ 11/2021 đến nay: Nhân viên Phòng phát triển sản phẩm. CTCP Công nghệ Fialda; - Từ 7/2023 đến nay: Chuyên viên quản lý tài sản chứng khoán. CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam.



Ông Nguyễn Thành Long
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LỢI TỨC CAO HD NĂM 2025



Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Lợi Tức Cao HD (“Quỹ HDBOND”). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này HDBOND đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ HDBOND đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và văn bản pháp luật liên quan. Ngoại trừ:

(i) Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ HDBOND tại thời điểm ngày định giá 01/01/2025 – 24/01/2025 chưa đảm bảo tỷ lệ đầu tư được quy định tại Điều lệ quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Cụ thể, tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu SBT12401 vượt mức 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ, vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và điểm e, Khoản 10.1, Điều 10, Điều lệ Quỹ. Tại ngày định giá 27/01/2025, Công ty quản lý quỹ đã hoàn tất việc khắc phục vi phạm trên.

(ii) Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ HDBOND tại thời điểm ngày định giá 21/02/2025 – 24/02/2025 chưa đảm bảo tỷ lệ đầu tư được quy định tại Điều lệ quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Cụ thể, tỷ lệ đầu tư tiền gửi tại một ngân hàng thương mại là Ngân hàng BIDV (cũng là ngân hàng lưu ký giám sát của Quỹ HDBOND) so với giá trị tổng tài sản của Quỹ HDBOND đã vượt quá tỷ lệ tối đa cho phép là 20% (theo quy định tại điểm a, khoản 4, điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán ngày 16/11/2020, và điểm b, khoản 10.1 Điều 10 Điều lệ quỹ). Tại thời điểm ngày định giá 25/02/2025, Công ty quản lý quỹ đã hoàn tất việc khắc phục vi phạm trên.

(iii) Tại kỳ định giá 19/06/2025, tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu SBT12401 vượt mức 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Theo đó, Quỹ đã vi phạm quy định về tỷ lệ đầu tư tại Điều 35 Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính. Tại kỳ định giá 16/07/2025, Công ty quản lý quỹ đã hoàn tất việc khắc phục vi phạm trên.

(iv) Tại kỳ định giá 28/07/2025, tỷ lệ đầu tư các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư nhỏ hơn 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ, vi phạm quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 10 Điều lệ Quỹ. Tại ngày định giá 29/07/2025, Công ty quản lý quỹ đã hoàn tất việc khắc phục vi phạm trên.

b) Việc lưu ký tài sản của Quỹ HDBOND đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ HDBOND đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan. Ngoại trừ: Tại báo cáo NAV ngày 02/04/2025, Công ty quản lý quỹ đã định giá sai giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức độ sai lệch dưới 0.75% giá trị tài sản ròng. Ngày 28/04/2025, Công ty quản lý quỹ đã khắc phục vi phạm trên và công bố thông tin theo quy định.

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Rồng Vàng
NĂM 2025



e) Trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 07 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ GDEGF không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư. *Ch*

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Bà Nguyễn Thị Minh Châu

Phó Giám đốc

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt

Nam CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Bà Trần Thị Thảo Trang

Phó trưởng phòng Định chế tài chính

và Lưu ký chứng khoán

